

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 39/2024/HS-PT
Ngày: 06-6-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo **Huỳnh Công T** và **Trần Văn N** do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 06-03-2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Huỳnh Công T**, sinh năm 1999 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Huỳnh Công T1**, sinh năm 1970 và bà **Huỳnh Thị Mộng T2**, sinh năm 1973; Vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

2. **Trần Văn N**, sinh năm 1995 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Trần Văn B**, sinh năm 1977 và bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1978; vợ **Huỳnh Thị Thúy A**, sinh năm 1994; con có 02 người, con lớn nhất sinh năm 2019 và con nhỏ nhất sinh

năm 2023; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 276/QĐ-XPHC ngày 12/12/2018 của Công an huyện G xử phạt Trần Văn N 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt vào ngày 12/12/2018, đã xóa tiền sự; bị cáo tại ngoại, có mặt;

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Lưu Thành C1, Trần Văn T3 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 14/4/2023, sau khi mua dừa, Huỳnh Công T1 điều khiển xe mô tô ba bánh đi về nhà. Đến đoạn lộ bê tông thuộc ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, T1 thấy D đang dựng xe mô tô ở giữa lộ bê tông và đứng nói chuyện với Nguyễn Trọng H làm T1 không điều khiển xe qua được. T1 kêu D dẫn xe vô lẽ để T1 đi qua nhưng D không đồng ý nên phát sinh cự cãi giữa H và D với T1. Sau đó, D dẫn xe mô tô vào lẽ cho T1 chạy qua, còn H điều khiển xe đi về trước. Khi T1 chạy xe được một đoạn khoảng 50m thì xe bị hư nên T1 dừng lại. Dự chạy theo phía sau thấy T1 dừng xe nên D xuống xe xông vào dùng chân đạp vào ngực của T1 rồi tiếp tục điều khiển xe đi.

Cùng lúc này, ông Huỳnh Tuấn K chạy xe đến thấy D đánh T1 nên K gọi điện thoại báo cho con của T1 là Huỳnh Công T biết. Sau khi nghe điện thoại của K, T điện thoại báo cho anh rể tên Trần Văn N biết việc ông T1 bị đánh, đồng thời T đến vị trí ông T1 bị đánh thấy ông T1 đang ôm ngực và biểu hiện khó thở nên T tức giận nảy sinh ý định đi tìm D để đánh trả thù. T nhặt 01 đoạn kim loại làm hung khí và rủ Trần Văn T3 chở T đi đánh D, T3 đồng ý nên dùng xe mô tô Biển kiểm soát 71H1-003.40 của T3 chở T đi. Cùng lúc này, Trần Văn N về đến nhà ông T1 thấy ông T1 bị đánh dẫn đến tức ngực, khó thở không nói chuyện được và N nghe điện thoại T gọi rủ đi đánh D trả thù nên N lấy 01 con dao giấu vào trong áo khoát rồi nhờ Lưu Thành C1 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 71B3-038.89 (xe N mượn của vợ tên Huỳnh Thị Thúy A) chở N đến nhà đánh D. Trên đường đi, C1 nhìn thấy T3 đang chở T và trên tay T có cầm ống tuýp sắt nên C1 hỏi N đi đâu, N trả lời “Đi tìm người đánh cha để đánh trả thù”. Lúc này, C1 biết T, T3, N đang đi đến nhà đánh D để trả thù nên C1 tiếp tục điều khiển xe chở N đi cùng T và T3.

Khi đến nhà **D**, cả nhóm dừng xe trên lộ bê tông rồi cùng đi vào nhà **D**, lúc này **C1** nhặt 02 viên gạch ống cầm trên tay. Khi vào trong nhà, **T** hỏi **D** “Mày làm gì đánh cha tao”, **D** chửi thề và nói “Tao đánh cha mày mày làm gì tao”. Do tức giận việc **D** đánh cha mình mà **D** còn có lời lẽ thách thức nên **T** dùng ống tuýp sắt đánh vào vai trái của **D**, **D** xông vào dùng tay kẹp cổ ôm vật **T** xuống nền gạch. Thấy **T** bị **D** kẹp cổ, **T3** dùng tay đánh vào lưng **D**, **N** dùng dao chém vào vai, cổ tay trái và lưng **D**, **C1** dùng 02 viên gạch đánh vào Dự gây thương tích.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô Biển kiểm soát 71H1-003.40, nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ - đen của **Trần Văn T3**.

- 01 xe mô tô Biển kiểm soát 71B3-038.89, nhãn hiệu Honda SH màu đỏ của vợ **N**; 01 con dao dài 59cm, dao mũi bằng, lưỡi dao bằng kim loại dài 36cm, nơi rộng nhất lưỡi dao 08cm, cán bằng gỗ hình tròn dài 23cm, đường kính 3,5cm và 01 áo khoát nam bằng vải Jean màu đen, phía trước 02 bên ngực áo có 02 túi áo có nắp đậy của **Trần Văn N**.

- 01 đoạn ống kim loại dạng hình hộp chữ nhật, màu xám, kích thước: (193 x 2,5 x 1,3) cm của **Huỳnh Công T**.

- 02 viên gạch ống kích thước (17 x 7,3)cm, có bốn lỗ hình vuông kích thước (2,3 x 2,3) cm, trên viên gạch có chữ ”VIET LINH”.

Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 164/23/KLTTCT-TTPYBT ngày 24/5/2023 của **Trung tâm Pháp y tỉnh B** kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Mai Văn D1** tại thời điểm giám định là: 13% (mười ba phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc gây ra.

Tại Bản Kết luận giám định lại lần thứ I tổn thương cơ thể trên người sống số 3961/KLTTCT-C09B ngày 20/6/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Sẹo vùng vai – cánh tay trái: 02%; Sẹo 1/3 dưới mặt ngoài cẳng tay trái: 02%; Sẹo 1/3 dưới mặt sau ngoài cẳng tay trái: 02%; Sẹo vùng lưng trái: 02%; Gãy 1/3 dưới xương trụ trái: 06%. Xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Mai Văn D1** tại thời điểm giám định là: 13% (mười ba phần trăm).

Cơ quan điều tra đã thông báo các kết luận giám định nêu trên cho các bị cáo và bị hại, tất cả đồng ý không có ý kiến gì khác.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKSGT, ngày 19/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố: Huỳnh Công T, Trần Văn N, Lưu Thành C1, Trần Văn T3 về “Tội cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134) Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 06/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Công T, Trần Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Huỳnh Công T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Trần Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lưu Thành C1, Trần Văn T3; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 19 tháng 3 năm 2024:

- Bị cáo Huỳnh Công T kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.
- Bị cáo Trần Văn N kháng cáo yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm, các bị cáo xác định kháng cáo với hai yêu cầu là giảm hình phạt tù và được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Huỳnh Công T, Trần Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và

xử phạt các bị cáo: **Huỳnh Công T** 02 năm 06 tháng tù và **Trần Văn N** 02 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị hại có đơn yêu cầu cho các bị cáo hưởng án treo, trong vụ án bị hại có lỗi là thách thức, vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều cùng là người thực hành, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo sửa Bản án sơ thẩm. Tuyên bố các bị cáo **Huỳnh Công T**, **Trần Văn N** phạm “Tội cố ý gây thương tích”:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Huỳnh Công T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Văn N** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng:

Bị cáo **T**: Cảm thấy ăn năn hối lỗi, lần đầu phạm lỗi yêu cầu được hưởng án treo;

Bị cáo **N**: Cảm thấy có lỗi, yêu cầu được hưởng án treo về lo cho vợ con vì hiện tại là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện điều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Xuất phát từ việc tức giận **Mai Văn D1** dùng chân đạp cha mình là ông **Huỳnh Công T1** và **D1** có lời nói thách thức nên **Huỳnh Công T** cùng với **Trần Văn N**, **Trần Văn T3** và **Lưu Thành C1** dùng dao, thanh kim loại, gạch ống và tay đánh **Mai Văn D1** gây thương tích cho **D1** với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 13%.

Với ý thức, hành vi và hậu quả mà các bị cáo **T**, **N** đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo **Huỳnh Công T** và **Trần Văn N** phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như:

- Bị cáo **T** tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bà nội bị cáo có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo **N** tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đang nuôi con nhỏ, bị cáo có ông nội là thương binh hạng 4/4, bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án để xử phạt **Huỳnh Công T** và **Trần Văn N** cùng mức hình phạt là 02 năm 06 tháng tù.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 02/5/2024, bị hại **Mai Văn D1** có đơn xin giảm án cho bị cáo, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho **T** và **N** được hưởng án treo, vì cho rằng “*Nguyên nhân dẫn đến sự việc trên (như bản án sơ thẩm nêu) là do lỗi của tôi từ trước, tôi có cản đường xe ông **T1** còn đánh ông **T1**. Khi họ đến nhà tôi hỏi lý do tôi không nhận lỗi mà còn thách thức và xông vào đánh **T** tiếp nên mới xảy ra vụ việc trên*”. Phù hợp với lời khai của của bị hại **D1** (BL 519): “*Tôi có nghe **T** hỏi “Vì sao mày đánh cha tao, tôi chửi thề “Đ mẹ tao đánh mày làm gì*

tao”, phù hợp với lời khai của Huỳnh Công T: T hỏi D1 “Mày làm gì đánh cha tao”, D1 chửi thề và nói “Tao đánh cha mày mày làm gì tao”, phù hợp lời khai của Trần Văn N, lời khai Trần Văn T3 (BL 472) và lời khai của Lưu Thành C1 (BL 519), thể hiện bị hại có lỗi trước là nguyên nhân dẫn đến đánh nhau. Xét tính chất của vụ án do bị hại có lỗi, về nhân thân các bị cáo không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó các bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại theo yêu cầu của bị hại số tiền 101.000.000 đồng (BL 579). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N cung cấp tình tiết mẹ của bị cáo bị tai biến, vợ bị cáo đang mang thai 04 tuần, bị cáo là lao động chính trong gia đình, trong vụ án các bị cáo đều cùng là người thực hành, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và bị hại yêu cầu cho các bị cáo hưởng án treo, với mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo, không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục các bị cáo, chấp nhận yêu cầu hưởng án treo của các bị cáo sửa bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Công T, Trần Văn N, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Công T, Trần Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

1.1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Công T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 06/6/2024.

Giao bị cáo Huỳnh Công T về cho Ủy ban nhân dân xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre, gia đình của bị cáo phối hợp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Văn N** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 06/6/2024.

Giao bị cáo Trần Văn N về cho Ủy ban nhân dân xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre, gia đình của bị cáo phối hợp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.3. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự khác, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (6b);
- Công an và VKSND huyện Giồng Trôm (2b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm (1b);
- Bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh